

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

**Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019
đã được kiểm toán**



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	3 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7 - 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10
- Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 33



CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần City Auto (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính 2018 kết thúc ngày 31/12/2019.

Công ty Cổ Phần City Auto (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0307979603 ngày 09/3/2009 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 11 ngày 16/7/2019 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh.

Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề của Công ty:

- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: bán buôn xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống). Chi tiết: bán lẻ ô tô;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm. Chi tiết: hoạt động của đại lý bảo hiểm.
- Các ngành nghề khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Hình thức sở hữu vốn

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 11 là: 455.399.680.000 đồng

Vốn góp của các cổ đông đến ngày 31/12/2019: 455.399.680.000 đồng

Hội đồng quản trị Công ty gồm:

Ông : Trần Ngọc Dân	Chủ tịch HĐQT
Ông : Trần Lâm	Thành viên
Ông : Trần Trung Chánh	Thành viên
Ông : Võ Thanh Phong	Thành viên
Ông : Nìm Vuồn Phu	Thành viên

Ban Tổng giám đốc Công ty gồm:

Ông : Trần Trung Chánh	Tổng Giám đốc
Ông : Nguyễn Hoàng Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Bà : Lê Thị Phú	Giám đốc tài chính

Ban kiểm soát gồm:

Bà : Phạm Thị Mỹ Dung	Trưởng ban
Bà : Nguyễn Thị Tâm	Thành viên
Bà : Lê Thị Thương Thương	Thành viên

Các sự kiện sau ngày lập Báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty trong năm 2019. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở thực hiện đầy đủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- Việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục;

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và bảo đảm rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh cho cùng kỳ, phù hợp với chuẩn mực, chế độ Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2020

TM. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN TRUNG CHÁNH



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ Phần City Auto

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần City Auto, được lập ngày 10 tháng 3 năm 2020, từ trang 07 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra các ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. HCM, ngày 18 tháng 3 năm 2020

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế Toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

Phó Tổng Giám Đốc



LÊ VĂN TUẤN

Số Giấy CNĐKHNKT 0479-2018-142-1

Kiểm toán viên



LÊ VĂN THẮNG

Số Giấy CNĐKHNKT 0974-2018-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		1.191.983.061.305	775.784.299.814
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.01	29.693.630.393	29.209.095.924
1. Tiền	111		29.693.630.393	29.209.095.924
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130		688.404.360.427	535.360.181.890
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	275.146.921.633	287.994.004.328
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	39.698.475.259	46.363.681.261
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04a	373.472.393.355	200.921.922.968
4. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.05	86.570.180	80.573.333
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.06	455.674.496.002	207.386.079.748
1. Hàng tồn kho	141		456.500.310.247	208.211.893.993
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(825.814.245)	(825.814.245)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		18.210.574.483	3.828.942.252
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07a	4.719.585.638	2.766.534.514
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.14	11.802.114.165	1.057.217.981
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	1.688.874.680	5.189.757
B. Tài sản dài hạn	200		354.944.063.977	190.118.514.958
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		92.130.585.499	66.913.425.499
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.04b	92.130.585.499	66.913.425.499
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		131.728.280.123	117.485.931.897
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	46.912.631.367	32.855.286.105
- Nguyên giá	222		76.043.268.392	53.559.481.879
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29.130.637.025)	(20.704.195.774)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	84.815.648.756	84.630.645.792
- Nguyên giá	228		85.416.269.623	85.034.769.623
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(600.620.867)	(404.123.831)
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	230		-	-
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	240		30.964.112.425	3.482.391.126
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	30.964.112.425	3.482.391.126
<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	250		-	-
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	260		100.121.085.930	2.236.766.436
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07b	8.848.186.411	2.236.766.436
2. Lợi thế thương mại	269	V.08	91.272.899.519	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.546.927.125.282	965.902.814.772

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. Nợ phải trả	300		1.014.422.780.323	698.698.188.417
I. Nợ ngắn hạn	310		1.011.727.006.186	696.433.965.871
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	99.092.129.554	36.963.005.549
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	43.013.942.470	36.619.145.944
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	11.268.245.296	9.405.065.128
4. Phải trả người lao động	314		17.286.662.571	13.704.921.295
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	2.413.809.706	2.844.854.342
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	43.068.717.665	18.789.115.982
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	791.921.122.336	574.285.982.213
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	3.662.376.588	3.821.875.418
II. Nợ dài hạn	330		2.695.774.137	2.264.222.546
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	2.695.774.137	1.229.960.000
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	1.034.262.546
D. Vốn chủ sở hữu	400		532.504.344.959	267.204.626.355
I. Vốn chủ sở hữu	410		532.504.344.959	267.204.626.355
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19	455.399.680.000	180.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		455.399.680.000	180.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.19	4.351.560.692	8.751.560.692
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.19	1.199.078.892	1.199.078.892
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.19	43.217.049.102	59.715.620.402
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4.657.127.203	5.402.515.702
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		38.559.921.899	54.313.104.700
5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	V.20	28.336.976.273	17.538.366.369
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.546.927.125.282	965.902.814.772

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất

Lê Thị Phú

Người lập biểu

Ngày 10 tháng 3 năm 2020

Lê Thị Phú

Giám đốc tài chính

Trần Trung Chánh

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**Năm 2019**

Đơn vị tính: đồng

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		6.479.193.636.981	3.442.262.106.811
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	2		125.856.415.792	40.553.999.668
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	6.353.337.221.189	3.401.708.107.143
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	5.990.743.923.404	3.159.418.113.480
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		362.593.297.785	242.289.993.663
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	753.813.519	29.261.023
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	49.065.850.443	23.143.427.223
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		49.065.850.443	23.143.427.223
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.05	206.653.620.963	121.256.700.686
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	101.649.939.732	64.354.679.831
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.977.700.166	33.564.446.946
11.	Thu nhập khác	31	VI.07	51.741.382.941	35.607.394.133
12.	Chi phí khác	32	VI.08	2.927.834.966	846.324.520
13.	Lợi nhuận khác	40		48.813.547.975	34.761.069.613
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		54.791.248.141	68.325.516.559
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	10.860.547.456	10.598.140.798
16.	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	52		-	1.034.262.546
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		43.930.700.685	56.693.113.215
18.	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		38.559.921.899	54.313.104.700
19.	Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		5.370.778.786	2.380.008.515
20.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	912	3.017
21.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	593	1.372

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất

Lê Thị Phú

Người lập biểu

Ngày 10 tháng 3 năm 2020

Lê Thị Phú

Giám đốc tài chính

Trần Trung Chánh

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2019

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2019	Năm 2018
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	54.791.248.141	68.325.516.559
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	11.857.515.947	7.469.632.862
Các khoản dự phòng	03	-	599.097.257
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.388.137.739)	419.212.469
Chi phí lãi vay	06	49.065.850.443	23.143.427.223
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	114.326.476.792	99.956.886.370
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	(190.689.919.644)	(201.361.747.325)
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	(248.288.416.254)	44.524.729.034
Tăng (giảm) các khoản phải trả (Không kê lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	107.818.312.172	43.989.781.960
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	(108.855.525.433)	3.098.942.354
Tiền lãi vay đã trả	14	(49.065.850.443)	(23.143.427.223)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(15.610.651.336)	(2.223.868.816)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	136.251.980
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.075.552.727)	(377.900.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(391.441.126.873)	(35.400.351.696)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(56.566.580.634)	(23.877.264.590)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	13.333.606.273	8.935.383.546
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	57.681.443	29.261.023
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(43.175.292.918)	(14.912.620.021)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	216.000.000.000	-
Tiền thu từ đi vay	33	4.679.593.714.172	2.647.320.501.697
Tiền trả nợ gốc vay	34	(4.460.492.759.912)	(2.562.905.638.373)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(17.995.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	435.100.954.260	66.419.463.324
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	484.534.469	16.106.491.607
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	29.209.095.924	13.102.604.317
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	29.693.630.393	29.209.095.924

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất

Lê Thị Phú

Người lập biểu

Ngày 10 tháng 3 năm 2020

Lê Thị Phú

Giám đốc tài chính

Trần Trung Chánh

Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

I- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1- Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần City Auto (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0307979603 ngày 09/3/2009 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 11 ngày 16/7/2019 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là CTF kể từ ngày 30/5/2017 theo Quyết định số 159/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/5/2017.

2- Lĩnh vực kinh doanh của Công ty: Thương mại – Dịch vụ

3- Ngành nghề kinh doanh:

- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: bán buôn xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống). Chi tiết: bán lẻ ô tô;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết : bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm. Chi tiết: hoạt động của đại lý bảo hiểm.
- Các ngành nghề khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính.

Không có thay đổi nào làm ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở chính tại số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

➤ Công ty có các Chi nhánh và kho hàng hoạt động như sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng đặt tại Lô F3, đường K1, Khu công nghiệp Cát Lái, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603;
- Công ty Cổ phần City Auto – Chi nhánh Bà Rịa đặt tại Quốc lộ 51, phường Phước Trung, thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-002;
- Công ty Cổ phần City Auto – Chi nhánh Vũng Tàu đặt tại số 40A, đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-004;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng 02 đặt tại 431 Nguyễn Xí, phường 11, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-003;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng 03 đặt tại số 124/9D Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0307979603-005;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng 04 đặt tại số 12 đường số 9, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0307979603-006.

➤ Tại ngày 31/12/2019, Công ty có 04 công ty con được hợp nhất như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	Lô B1 đường C2, KCN Cát Lái 2, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, Tp Hồ Chí Minh	Thương mại – dịch vụ	98,53%	98,53%
Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang	51 Lê Hồng Phong, Phường Phước Tân, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Thương mại – dịch vụ	73,00%	73,00%
Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh	số 18 Cộng Hòa, phường 4, Q. Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh	Thương mại – dịch vụ	96,52%	96,52%
Công ty Cổ phần City Auto Vũng Tàu	Số 224, Quốc lộ 51, P. Kim Dinh, Tp. Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Thương mại – dịch vụ	95,00%	95,00%

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Các thông tin so sánh đã được kiểm tra, phân loại phù hợp với số liệu cuối năm.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ).

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng:

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được quy định tại thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài Chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Cơ sở kế toán và nghĩa vụ thuế, thực hiện theo phạm vi điều chỉnh tại điều 2 thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn việc ghi sổ kế toán, lập và trình bày Báo cáo tài chính, không áp dụng cho việc xác định nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp đối với ngân sách Nhà nước.

2. Tuyên bố việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3- Các căn cứ pháp lý làm cơ sở để hợp nhất báo cáo

- Chuẩn mực kế toán số 07 – Đầu tư vào Công ty Liên kết
- Chuẩn mực kế toán số 08 – Thông tin về các khoản góp vốn liên doanh
- Chuẩn mực kế toán số 11 – Hợp nhất kinh doanh
- Chuẩn mực kế toán số 25 – Báo cáo tài chính hợp nhất và các khoản đầu tư vào công ty con
- Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

- Nguyên tắc xác định các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

Là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm: Tiền mặt tại quỹ của Doanh nghiệp, tiền gửi Ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

- Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đối với tiền mặt tại thời điểm lập báo cáo, doanh nghiệp đánh giá lại số dư ngoại tệ theo nguyên tắc: Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi đánh giá lại số dư tiền mặt bằng ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do doanh nghiệp tự lựa chọn) tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Đối với tiền gửi ngân hàng tại thời điểm lập báo cáo tài chính, doanh nghiệp đánh giá lại số dư ngoại tệ theo nguyên tắc: Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi đánh giá lại số dư tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều tài khoản ngoại tệ ở nhiều ngân hàng khác nhau và tỷ giá mua của các ngân hàng không có sự chênh lệch đáng kể thì có thể lựa chọn tỷ giá mua của một trong các ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ làm căn cứ đánh giá lại

2. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu

Nguyên tắc ghi nhận: Bao gồm các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản thu khác tại thời điểm báo cáo.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý/ nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là ngắn hạn;

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến, các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Công ty tính giá trị hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền. Riêng đối với hàng hóa là các loại xe ô tô giá xuất được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại của tài sản cố định. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào điều kiện hoạt động như dự định. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang được chuyển hoá thành tài sản cố định, còn những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và hao mòn lũy kế được khoá sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh tuân thủ theo qui định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài Chính.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận ban đầu theo giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

Phần mềm kế toán

Phần mềm được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao được áp dụng trừ dần nguyên giá tài sản cố định, thời gian ước tính như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao</u>
- Nhà cửa vật kiến trúc	25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 06 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

5. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh nhiều năm.

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;

- Chi phí sửa chữa lớn phát sinh một lần quá lớn...

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý;

Phân loại:

- Chi phí trả trước ngắn hạn: Là số tiền Công ty đã trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoản thời gian không quá 12 tháng hoặc 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước.
- Chi phí trả trước dài hạn: Là số tiền Công ty đã trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước; lợi thế thương mại và lợi thế kinh doanh còn chưa phân bổ vào chi phí tại thời điểm báo cáo.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nguyên tắc ghi nhận: Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm lập báo cáo.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: là các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Những khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi đó phát sinh, nếu có chênh lệch giữa số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

8. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ, kế toán phải theo dõi chi tiết nguyên tệ.

Phân loại các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính:

- Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn.
- Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình

bây là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Tại thời điểm lập báo cáo theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý và phân phối theo quy định tại điều lệ Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.
- Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty trích lập các quỹ sau đây từ lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty theo Đề nghị của Hội đồng quản trị và được đại hội đồng cổ đông phê duyệt:

- *Quỹ đầu tư phát triển*: Nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của công ty
- *Quỹ khen thưởng phúc lợi*: Nhằm đem lại phúc lợi chung, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hoá đã chuyển giao cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn 2 điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.



CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ, tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng, tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản tổn thất, khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ, thu nhập từ quà, biếu, tặng bằng tiền, hiện vật...

11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng

Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí bán hàng không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý

Các chi phí quản lý chung chỉ được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

15. Chi phí khác

Phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Các khoản chi phí khác không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Việc áp dụng được thực hiện theo chuẩn mực kế toán số 26 và thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 của Bộ Tài Chính.

17. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Việc áp dụng được thực hiện theo chuẩn mực kế toán số 28 và thông tư số 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính

18. Công cụ tài chính

Căn cứ thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo của Công ty.

19. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

20. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho lãi ghi nhận trong kỳ của trái phiếu chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.568.393.109	6.380.797.134
- Tại Công ty Cổ phần City Auto	756.642.613	4.272.298.020
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	194.286.866	182.731.597
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang	300.747.738	1.925.767.517
- Tại Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh	316.715.892	-
Tiền gửi ngân hàng	28.125.237.284	22.828.298.790
- Tại Công ty Cổ phần City Auto	9.546.152.907	17.202.762.440
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	1.766.606.137	4.802.414.420
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang	1.344.611.274	823.121.930
- Tại Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh	15.467.866.966	-
Cộng	29.693.630.393	29.209.095.924
2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
- Các khách hàng khác (chiếm dưới 10% tổng phải thu khách hàng)	259.919.058.989	287.994.004.328
- Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô (Bên liên quan)	15.227.862.644	-
Cộng	275.146.921.633	287.994.004.328
3. Trả trước cho người bán ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	17.785.380.919	-
- Công Ty TNHH Minh Long	544.385.099	37.017.356.162
- Các khoản ứng trước đến các nhà cung cấp khác	21.368.709.241	9.346.325.099
Cộng	39.698.475.259	46.363.681.261
4. Phải thu khác	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn		
- Phải thu hỗ trợ bán hàng từ nhà cung cấp chính	48.285.976.231	30.602.165.576
- Phải thu khác từ Công ty CP Bất Động Sản Bảo Long	87.766.183.004	-
- Phải thu khác từ Công ty TNHH Minh Long	4.732.073.614	-
- Phải thu khác từ Công ty Cổ phần Trident Auto	3.000.000.000	-
- Phải thu cho Ông Mạch Ngọc Hoàng mượn tiền	17.000.000.000	-
- Phải thu cho Ông Ngô Công Minh mượn tiền	15.000.000.000	-
- Phải thu cho Ông Nguyễn Bá Hoàng Minh Tuyển mượn tiền	11.500.000.000	-
- Phải thu cho Ông Trần Long mượn tiền	30.900.000.000	-
- Phải thu cho Ông Ngô Đức Sỹ mượn tiền	7.500.000.000	-
- Phải thu khác từ Ông Trần Ngọc Dân	-	7.179.787.504
- Phải thu khác từ Ông Trần Trung Chánh	1.909.676.971	-
- Phải thu khác từ ông Nguyễn Đăng Hoàng	1.187.023.000	-
- Phải thu khác từ Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	125.356.415.958	141.111.844.363
- Các khoản tạm ứng	8.212.415.089	4.036.180.619
- Ký quỹ ngắn hạn khác	2.405.334.560	134.364.560
- Các khoản phải thu khác	8.717.294.928	17.857.580.346
Cộng	373.472.393.355	200.921.922.968

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

4. Phải thu khác (tiếp theo)

b) Dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ký quỹ thuê văn phòng Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	84.434.102.400	62.834.102.400
- Ký quỹ dài hạn khác	7.696.483.099	4.079.323.099
Cộng	92.130.585.499	66.913.425.499

5. Tài sản thiếu chờ xử lý

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng
Tại Công ty CP City Auto				
- Hàng tồn kho	86.570.180	-	80.573.333	-
Cộng	86.570.180	-	80.573.333	-

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công cụ dụng cụ	113.262.064	-	12.566.679	-
- Chi phí sản xuất dở dang	4.621.710.471	-	3.153.465.373	-
- Hàng hóa (6.1)	451.765.337.712	(825.814.245)	205.045.861.941	(825.814.245)
Cộng	456.500.310.247	(825.814.245)	208.211.893.993	(825.814.245)

(6.1) Chi tiết hàng hóa tồn kho:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Xe các loại	402.316.723.631	162.086.363.630
- Tại Công ty Cổ phần City Auto	162.739.699.983	121.154.540.903
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	12.281.740.907	26.406.295.456
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang	30.620.677.272	14.525.527.271
- Tại Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh	196.674.605.469	-
Phụ tùng, phụ kiện	49.448.614.081	42.959.498.311
- Tại Công ty Cổ phần City Auto	22.792.893.644	22.007.308.493
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	14.915.023.685	12.526.880.020
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang	7.753.472.791	8.425.309.798
- Tại Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh	3.987.223.961	-
Cộng	451.765.337.712	205.045.861.941

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

- Số dư đầu năm	(825.814.245)
- Trích lập dự phòng	-
- Số dư cuối kỳ	(825.814.245)

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

7. Chi phí trả trước		Số cuối năm	Số đầu năm	
a) Ngắn hạn				
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ		1.055.434.220	1.031.155.912	
- Vật tư sơn chờ kết chuyển		567.047.327	436.570.722	
- Chi phí trả trước khác chờ kết chuyển		3.097.104.091	1.298.807.880	
Cộng		4.719.585.638	2.766.534.514	
b) Dài hạn				
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ		3.562.075.532	1.812.416.437	
- Chi phí trả trước khác chờ kết chuyển		5.286.110.879	424.349.999	
Cộng		8.848.186.411	2.236.766.436	
8. Lợi thế thương mại		Số cuối năm	Số đầu năm	
Lợi thế thương mại phát sinh khi hợp nhất		97.164.208.355	-	
Lợi thế thương mại đã phân bổ		(5.891.308.836)	-	
Cộng		91.272.899.519		
9. Tài sản cố định hữu hình	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Nguyên giá				
Nhà cửa, vật kiến trúc	13.146.027.495	726.757.345	-	13.872.784.840
Máy móc, thiết bị	15.887.513.869	8.375.939.468	-	24.263.453.337
Phương tiện vận tải	23.559.022.807	30.343.138.004	17.450.408.304	36.451.752.507
Thiết bị, dụng cụ quản lý	966.917.708	488.360.000	-	1.455.277.708
Cộng	53.559.481.879	39.934.194.817	17.450.408.304	76.043.268.392
Khấu hao lũy kế				
Nhà cửa, vật kiến trúc	6.953.068.996	1.822.256.649	-	8.775.325.645
Máy móc, thiết bị	7.609.491.697	4.027.020.529	-	11.636.512.226
Phương tiện vận tải	5.451.817.381	7.837.729.619	5.447.258.327	7.842.288.673
Thiết bị, dụng cụ quản lý	689.817.700	186.692.781	-	876.510.481
Cộng	20.704.195.774	13.873.699.578	5.447.258.327	29.130.637.025
Giá trị còn lại				
Nhà cửa, vật kiến trúc	6.192.958.499			5.097.459.195
Máy móc, thiết bị	8.278.022.172			12.626.941.111
Phương tiện vận tải	18.107.205.426			28.609.463.834
Thiết bị, dụng cụ quản lý	277.100.008			578.767.227
Cộng	32.855.286.105			46.912.631.367

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tăng trong năm do mua sắm mới với số tiền là 28.810.859.335 đồng và do hợp nhất nguyên giá TSCĐ của Công ty CP Auto Trường Chinh tại ngày mua với số tiền là 11.123.335.482 đồng; giảm do nhượng bán, thanh lý TSCĐ.

- Khấu hao lũy kế tài sản cố định hữu hình tăng trong năm do trích khấu hao với số tiền là 11.708.050.175 đồng và do hợp nhất khấu hao lũy kế TSCĐ của Công ty CP Auto Trường Chinh tại ngày mua với số tiền là 2.165.649.403 đồng; giảm do nhượng bán, thanh lý TSCĐ.

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 5.489.552.818 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

10. Tài sản cố định vô hình

	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Nguyên giá				
Quyền sử dụng đất	84.022.474.623	-	-	84.022.474.623
Phần mềm	1.012.295.000	381.500.000	-	1.393.795.000
Cộng	85.034.769.623	381.500.000	-	85.416.269.623
Khấu hao lũy kế				
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Phần mềm	404.123.831	196.497.036	-	600.620.867
Cộng	404.123.831	196.497.036	-	600.620.867
Giá trị còn lại				
Quyền sử dụng đất	84.022.474.623			84.022.474.623
Phần mềm	608.171.169			793.174.133
Cộng	84.630.645.792			84.815.648.756

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình tăng trong năm do hợp nhất nguyên giá TSCĐ của Công ty CP Auto Trường Chinh tại ngày mua với số tiền là 107.500.000 đồng, mua mới với số tiền 274.000.000 đồng.

- Khấu hao lũy kế tài sản cố định vô hình tăng trong năm do trích khấu hao với số tiền là 149.465.772 đồng và do hợp nhất khấu hao lũy kế TSCĐ của Công ty CP Auto Trường Chinh tại ngày mua với số tiền là 47.031.264 đồng; giảm do nhượng bán, thanh lý TSCĐ.

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết, vẫn còn sử dụng là 284.850.000 đồng.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Mua sắm tài sản cố định	2.949.452.999	1.960.800.000
- Chi phí xây dựng showroom - Công ty CP Auto Bình Phước	23.879.880.700	-
- Chi phí xây dựng showroom - Công ty Truck & Bus Trường Chinh	4.121.824.181	-
- Chi phí cải tạo Công trình ở đường Nguyễn Xí, TPHCM	-	1.508.636.581
- Chi phí khác	12.954.545	12.954.545
Cộng	30.964.112.425	3.482.391.126

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty TNHH Ford Việt Nam	7.349.929.348	7.349.929.348	14.954.095.230	14.954.095.230
- Công ty TNHH Minh Long	10.486.379.921	10.486.379.921	6.056.583.698	6.056.583.698
- Công ty Cổ Phần Hyundai Thành Công Việt Nam	50.303.186.238	50.303.186.238	-	-
- Phải trả các bên liên quan				
+ Công ty CP TĐ Tân Thành Đô	11.255.110.408	11.255.110.408	7.295.611.408	7.295.611.408
- Các đối tượng khác	19.697.523.639	19.697.523.639	8.656.715.213	8.656.715.213
Cộng	99.092.129.554	99.092.129.554	36.963.005.549	36.963.005.549

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Các khách hàng khác (chiếm dưới 10% tổng phải thu khách hàng)	43.013.942.470	36.619.145.944
Cộng	43.013.942.470	36.619.145.944

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

14. Thuế và các khoản phải nộp/ phải thu Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Phải nộp		
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	2.738.290.081	105.580.247
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.233.474.855	8.853.181.283
- Thuế thu nhập cá nhân	296.480.360	446.303.598
Cộng	11.268.245.296	9.405.065.128
b) Phải thu		
- Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ	11.802.114.165	1.057.217.981
- Thuế thu nhập doanh nghiệp (nộp dư)	1.688.874.680	-
- Thuế thu nhập cá nhân (nộp dư)	-	5.189.757
Cộng	13.490.988.845	1.062.407.738

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Trích trước chi phí đào tạo trả cho Công ty Ford Việt Nam	804.006.082	1.022.913.010
- Chi phí phải trả khác	1.609.803.624	1.821.941.332
Cộng	2.413.809.706	2.844.854.342

16. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tài sản thừa chờ xử lý ở Công ty CP City Auto	468.710.129	397.122.489
- Chi hộ Công ty Ford Việt Nam cho nhân viên bán hàng	1.870.356.000	3.502.108.995
- Phải trả Ông Nguyễn Hoàng Minh Tiến (Bên liên quan)	2.279.859.997	3.205.752.441
- Phải trả Ông Trần Trung Chánh (Bên liên quan)	-	1.843.823.029
- Phải trả Ông Trần Ngọc Dân (Bên liên quan)	901.800.000	-
- Phải trả Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô (Bên liên quan)	6.748.293.447	-
- Phải trả Ông Trần Quang Trí	2.226.111.555	2.168.286.074
- Phải trả bà Trần Thị Tâm tiền chuyển nhượng cổ phần	6.100.000.000	-
- Phải trả ông Trần Long tiền chuyển nhượng cổ phần	7.998.000.000	-
- Phải trả Công ty TNHH Ô tô VW Nha Trang	1.320.000.000	1.420.000.000
- Phải trả khách hàng tiền đặt cọc	1.350.061.500	222.000.000
- Phải trả cổ tức cho cổ đông của Công ty CP City Auto	9.065.000	9.065.000
- Phải trả cổ tức cho cổ đông của Công ty CP ô tô Nha Trang	2.096.362.560	-
- Các khoản phải trả khác	9.700.097.477	6.020.957.954
Cộng	43.068.717.665	18.789.115.982

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

17. Vay và nợ thuê tài chính

		Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
a. Ngắn hạn		574.285.982.213	4.673.590.977.572	4.457.441.364.112	791.921.122.336
- NH Ngoại thương	(17.1)	165.874.692.388	951.536.354.250	1.042.036.314.058	75.374.732.580
- NH Bảo Việt	(17.2)	47.150.996.000	532.242.120.000	527.086.972.000	52.306.144.000
- NH Quân đội	(17.3)	-	348.658.854.645	290.385.160.050	58.273.694.595
- NH Công Thương	(17.4)	19.268.000.000	163.100.646.600	168.770.765.150	13.597.881.450
- NH An Bình	(17.5)	92.621.136.000	645.685.744.379	561.838.077.129	176.468.803.250
- NH Xuất nhập khẩu	(17.6)	45.522.812.000	220.107.411.500	217.745.869.245	47.884.354.255
- NH VN Thịnh Vượng	(17.7)	49.185.000.000	222.762.117.650	214.632.889.550	57.314.228.100
- NH Đầu tư và Phát triển	(17.8)	153.573.073.825	1.171.248.392.503	1.046.482.383.930	278.339.082.398
- NH Quốc tế	(17.9)	-	395.369.161.500	370.262.933.000	25.106.228.500
- NH Hàng hải	(17.10)	-	4.680.174.545	-	4.680.174.545
- NH Tiên Phong		-	18.200.000.000	18.200.000.000	-
- Nợ dài hạn đến hạn trả		1.090.272.000			2.575.798.663
b. Dài hạn		1.229.960.000	6.002.736.600	3.051.395.800	2.695.774.137
- NH Ngoại thương	(17.1)	2.320.232.000	3.720.000.000	2.314.472.000	3.725.760.000
- NH Quân đội	(17.3)	-	1.572.736.600	559.425.800	1.013.310.800
- NH An Bình	(17.5)	-	710.000.000	177.498.000	532.502.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả		(1.090.272.000)			(2.575.798.663)
Cộng		575.515.942.213	4.679.593.714.172	4.460.492.759.912	794.616.896.473

Cho đến ngày 31/12/2019, Công ty không có khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

(17.1) Vay ngắn và dài hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại các chi nhánh sau:

(17.1.1) Khoản vay ngắn hạn do Công ty CP ô tô Phú Mỹ vay tại Chi nhánh Tp.HCM theo hợp đồng số 0116/1838/N-KD/01 ngày 24/8/2019 với hạn mức vay là 30 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng, thời hạn vay cho từng khoản nợ không quá 03 tháng và lãi suất vay theo từng lần giải ngân. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là xe Ford hình thành từ vốn vay. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2019 là 21.136.990.315 đồng.

(17.1.2) Khoản vay ngắn hạn do Công ty CP ô tô Nha Trang vay tại chi nhánh Khánh Hòa theo hợp đồng tín dụng số 2019/ONT ngày 29/3/2019 với tổng hạn mức vay là 80 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng, thời hạn vay cho từng khoản nợ không quá 03 tháng và lãi suất vay theo từng lần giải ngân. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này: các xe ô tô tồn kho luân chuyển với giá trị là 95 tỷ đồng, được quy định cụ thể tại hợp đồng thế chấp hàng hoá số 2019/ONT/TS ngày 29/3/2019. Số dư các khoản vay đến ngày 31/12/2019 là 54.237.742.265 đồng.

(17.1.3) Khoản vay dài hạn do Công ty CP ô tô Nha Trang vay tại chi nhánh Khánh Hòa theo hợp đồng sau:

- Số 2018/CVTL-ONT/PTVT2 ngày 17/10/2018 với số tiền vay là 830.000.000 đồng, thời hạn vay: 36 tháng. Mục đích vay: mua xe ô tô Ford Ecosport BS 79A-205.90. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là tài sản hình thành từ vốn vay, quy định tại hợp đồng thế chấp số 2018/TC-ONT/PTVT2 ngày 17/10/2018.

- Số 0419/CVTL-ONT/PTVT ngày 19/4/2019 với số tiền vay là 1.100.000.000 đồng, thời hạn vay: 36 tháng. Mục đích vay: mua xe ô tô Ford Ecosport BKS 79A-234.13 và Raptor 79A-233.57. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là tài sản hình thành từ vốn vay, quy định tại hợp đồng thế chấp số 0419/TC-ONT/PTVT ngày 19/4/2019.

- Số 0519/CVTL-ONT/PTVT ngày 8/5/2019 với số tiền vay là 620.000.000 đồng, thời hạn vay: 36 tháng. Mục đích vay: mua xe ô tô Ford Everest BKS 79A-236.49. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là tài sản hình thành từ vốn vay, được quy định tại hợp đồng thế chấp số 0519/TC-ONT/PTVT ngày 8/5/2019.

- Số 2019/CVTL-ONT/03 ngày 23/9/2019 với số tiền vay là 1.370.000.000 đồng, thời hạn vay: 36 tháng. Mục đích vay: mua xe ô tô Ford Explorer BKS 79A-260.49. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là tài sản hình thành từ vốn vay, được quy định tại hợp đồng thế chấp số 2019/TC-ONT/03 ngày 23/9/2019.

- Số 2019/CVTL-ONT/04 ngày 19/12/2019 và phụ lục số 01/2019/CVTL-ONT/04 ngày 19/12/2019 với số tiền vay là 630.000.000 đồng, thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày giải ngân. Mục đích vay: mua xe ô tô Ford Tourneo BKS 79A-277.01. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là tài sản hình thành từ vốn vay, được quy định cụ thể tại hợp đồng thế chấp số 2019/PTVT-OTONT ngày 19/12/2019.

Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2019 là 3.725.760.000 đồng, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 1.515.072.000 đồng.

(17.2) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Tp.HCM theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0140/2019/HĐTD1/BVB03 ngày 05/3/2019 với tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng, thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 04 tháng; lãi suất vay theo từng lần giải ngân. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động và phát hành bảo lãnh. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định cụ thể tại Hợp đồng thế chấp tài sản và các phụ lục đi kèm; bao gồm xe ô tô Ford hình thành từ vốn vay; xe ô tô Ford tồn kho mới 100%. Khoản vay này do Công ty CP City Auto vay. Số dư các khoản vay đến ngày 31/12/2019 là 52.306.144.000 đồng.

(17.3) - Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Quân Đội theo các hợp đồng sau:

- Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 51913.19.117.2897485.TD ngày 02/12/2019. Hạn mức tín dụng là 185 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động và phát hành bảo lãnh phục vụ kinh doanh xe ô tô Hyundai. Thời hạn cấp hạn mức đến ngày 15/11/2020, thời hạn vay tối đa 4 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa hình thành từ vốn vay theo các Hợp đồng thế chấp từng lần phát sinh. Khoản vay này do Công ty CP Auto Trường Chinh vay. Số dư các khoản vay đến ngày 31/12/2019 là 55.638.221.295 đồng.

- Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 52610.19.117.5943003.TD ngày 02/12/2019. Hạn mức tín dụng là 25 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động và phát hành bảo lãnh phục vụ kinh doanh xe ô tô Hyundai. Thời hạn cấp hạn mức đến ngày 15/11/2020, thời hạn vay tối đa 4 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa hình thành từ vốn vay theo các Hợp đồng thế chấp từng lần phát sinh. Khoản vay này do Công ty CP Auto Bình Phước (công ty con của Công ty CP Auto Trường Chinh) vay. Số dư các khoản vay đến ngày 31/12/2019 là 2.635.473.300 đồng.

- Vay dài hạn theo Hợp đồng cho vay trung hạn số 5815.19.117.2897485.TD ngày 28/02/2019. Số tiền vay là 967.561.600 đồng. Mục đích vay: mua xe Hyundai BS 51G-79458. Thời hạn vay 24 tháng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2019 của khoản vay này là 483.780.800 đồng. Khoản vay này do Công ty CP Auto Trường Chinh vay.

- Vay dài hạn theo Hợp đồng cho vay trung hạn số 38288.19.117.2897485.TD ngày 17/9/2019. Số tiền vay là 605.175.000 đồng. Mục đích vay: mua xe Hyundai BS 51H-116.00. Thời hạn vay 24 tháng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2019 của khoản vay này là 529.530.000 đồng. Khoản vay này do Công ty CP Auto Trường Chinh vay.

(17.4) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 0807/2019/HĐCVHM/NHCT924-ATT ngày 19/8/2019. Hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 VNĐ. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cấp hạn mức đến ngày 31/7/2020, thời hạn vay tối đa 4 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa hình thành từ vốn vay theo các Hợp đồng thế chấp từng lần phát sinh. Khoản vay này do Công ty CP Auto Trường Chinh vay. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2019 là 13.597.881.450 đồng.

(17.5) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh TP.HCM theo các hợp đồng:

- Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cho vay hạn mức số 1266/19/TD/I ngày 11/6/2019 với tổng hạn mức vay là 250 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 04 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định tại các hợp đồng thế chấp hàng hóa từng lần phát sinh; bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 431 Nguyễn Xí, phường 11, quận Bình Thạnh, Tp.HCM với giá trị là 120.838.000.000 đồng, chi tiết theo Hợp đồng thế chấp số 1266/19/TCSP/I ngày 11/6/2019; hàng hóa là xe ô tô Ford các loại. Khoản vay này do Công ty CP City Auto vay. Số dư các khoản vay đến ngày 31/12/2019 là 106.370.224.000 đồng.

- Vay ngắn hạn theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 2288/19/TD/I ngày 17/9/2019 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số SDBS.01-2288/19/TD/I ngày 04/12/2019, hạn mức tín dụng là 100 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cấp hạn mức đến ngày 17/9/2020, thời hạn vay tối đa 6 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này do Công ty CP Auto Trường Chinh vay. Số dư các khoản vay đến ngày 31/12/2019 là 45.882.855.250 đồng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm:

- Hàng hóa hình thành từ vốn vay theo các Hợp đồng thế chấp từng lần phát sinh;
- 2.760.000 cổ phiếu Công ty CP City Auto thuộc sở hữu của Ông Trần Ngọc Dân theo Hợp đồng cầm cố số 2288/19/BL/I ngày 17/9/2019.

- 05 Quyền sử dụng đất tại xã Nghi Hương, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An thuộc sở hữu của Công ty CP Golf biển Cửa Lò chi tiết theo Hợp đồng thế chấp số 2288A đến số 2288E/19/BL/I ngày 04/12/2019.

- Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cho vay hạn mức với tổng hạn mức vay là 50 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 04 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định tại các hợp đồng thế chấp hàng hóa từng lần phát sinh. Khoản vay này do Công ty CP Phú Mỹ vay. Số dư các khoản vay đến ngày 31/12/2019 là 24.215.724.000 đồng.

- Khoản vay dài hạn theo hợp đồng cho vay số 1709/19/TD/I ngày 27/6/2019; số tiền vay là 710.000.000 đồng. Mục đích vay: mua xe Hyundai BS 51H-072.44. Thời hạn vay 24 tháng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản. Khoản vay này do Công ty CP Auto Trường Chinh vay. Số dư các khoản vay đến ngày 31/12/2019 là 532.502.000 đồng.

(17.6) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam theo các hợp đồng sau:

- Số 1007-LAV-190014952 ngày 27/02/2019 với tổng hạn mức vay là 50 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 03 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định cụ thể tại Hợp đồng thế chấp tài sản và các phụ lục đi kèm; bao gồm các xe ô tô Ford mới 100% thuộc sở hữu của bên vay. Khoản vay này do Công ty CP City Auto vay. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2019 là 32.300.704.000 đồng.

- Số LAV190119929/1403 ngày 12/11/2019 với tổng hạn mức vay là 50 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 03 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định cụ thể tại Hợp đồng thế chấp tài sản và các phụ lục đi kèm; bao gồm các xe ô tô Ford mới 100% thuộc sở hữu của bên vay. Khoản vay này do Công ty CP Phú Mỹ vay. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2019 là 15.583.650.255 đồng.

(17.7) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Sài Gòn theo các hợp đồng:

- Hợp đồng hạn mức số SME/EPL/19/0025/HDHM ngày 17/10/2019 với tổng hạn mức vay là 70 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 06 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là xe ô tô Ford mới 100% hình thành từ vốn vay mua từ Công ty TNHH Ford Việt Nam. Khoản vay này do Công ty CP ô tô Phú Mỹ vay. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2019 là 43.021.300.000 đồng.

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số SME/TDC/19/0091/HĐHM ngày 14/6/2019. Hạn mức tín dụng là 95 tỷ đồng. Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng, thời hạn vay tối đa 6 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản. Khoản vay này do Công ty CP Auto Trường Chinh vay. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2019 là 14.292.928.100 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

(17.8) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Số 01/2019/4528578/HĐTD ngày 22/8/2019 với tổng hạn mức vay là 50 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 06 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là xe ô tô Ford mới 100% hình thành từ vốn vay mua từ Công ty TNHH Ford Việt Nam. Khoản vay này do Công ty CP ô tô Phú Mỹ vay. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2019 là 39.457.357.200 đồng.

- Số 01/2019/11402179/HĐTD ngày 25/10/2019 với tổng hạn mức vay là 300 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 04 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định tại các hợp đồng thế chấp hàng hóa từng lần phát sinh là hàng hóa là xe ô tô Ford các loại hình thành từ vốn vay mới 100%. Khoản vay này do Công ty CP City Auto vay. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2019 là 182.934.945.051 đồng.

- Số 01/2019/8943817/HĐTD ngày 15/7/2019. Hạn mức tín dụng là 400 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng, thời hạn vay tối đa 4 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa hình thành từ vốn vay theo các Hợp đồng thế chấp từng lần phát sinh. Khoản vay này do Công ty CP Auto Trường Chinh vay. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2019 là 55.946.780.147 đồng.

(17.9) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Quốc tế theo các hợp đồng:

- Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0015-HĐTD.VIB880.19 ngày 22/4/2019 với tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng, thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 04 tháng; lãi suất vay theo từng lần giải ngân. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động và phát hành bảo lãnh. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định cụ thể tại Hợp đồng thế chấp tài sản và các phụ lục đi kèm; bao gồm xe ô tô Ford hình thành từ vốn vay; xe ô tô Ford tồn kho mới 100%. Khoản vay này do Công ty CP City Auto vay. Số dư các khoản vay đến ngày 31/12/2019 là 23.981.932.500 đồng.

- Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 5864004 ngày 26/6/2019, hạn mức vay: 50 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là xe ô tô hình thành từ vốn vay. Khoản vay này do Công ty CP ô tô Phú Mỹ vay. Số dư các khoản vay đến ngày 31/12/2019 là 1.124.296.000 đồng.

(17.10) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Hàng hải theo hợp đồng số 216/2019/HĐTD ngày 06/12/2019 với tổng hạn mức vay là 80 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 04 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định cụ thể tại Hợp đồng thế chấp tài sản và các phụ lục đi kèm; bao gồm các xe ô tô Ford mới 100% thuộc sở hữu của bên vay. Khoản vay này do Công ty CP City Auto vay. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2019 là 4.680.174.545 đồng.

18. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Năm 2019	Năm 2018
Số dư đầu năm	3.821.875.418	2.656.844.623
Tăng do trích quỹ	-	1.406.678.845
Giảm do chi quỹ	(1.075.552.727)	(377.900.000)
Tăng do hợp nhất	916.053.897	-
Tăng/(giảm) khác	-	136.251.950
Số dư cuối năm	3.662.376.588	3.821.875.418

19. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	01/01/2018	Tăng	Giảm	31/12/2018
- Vốn góp của chủ sở hữu	180.000.000.000	-	-	180.000.000.000
- Quỹ khác	1.121.899.985	79.384.019	2.205.112	1.199.078.892
- Quỹ Đầu tư phát triển	6.019.792.133	2.733.973.671	2.205.112	8.751.560.692
- LNST chưa phân phối	27.615.936.902	54.313.104.700	22.213.421.200	59.715.620.402
Cộng	214.757.629.020	57.126.462.390	22.217.831.424	249.666.259.986

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

	01/01/2019	Tăng	Giảm	31/12/2019
- Vốn góp của chủ sở hữu	180.000.000.000	275.399.680.000	-	455.399.680.000
- Quỹ khác	1.199.078.892	-	-	1.199.078.892
- Quỹ Đầu tư phát triển	8.751.560.692	-	4.400.000.000	4.351.560.692
- LNST chưa phân phối	59.715.620.402	38.559.921.899	55.058.493.199	43.217.049.102
Cộng	249.666.259.986	313.959.601.899	59.458.493.199	504.167.368.686

b) Lợi nhuận chưa phân phối	Năm 2019	Năm 2018
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	59.715.620.402	27.615.936.902
- Lợi nhuận phát sinh trong năm	38.559.921.899	54.313.104.700
- Chia cổ tức bằng tiền	-	(18.000.000.000)
- Chia cổ tức bằng phát hành cổ phiếu	(39.599.890.000)	-
- Phát hành cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận sau thuế	(15.399.790.000)	-
- Trích quỹ Đầu tư và phát triển	-	(2.733.973.671)
- Trích Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	(79.384.019)
- Trích quỹ Khen thưởng và phúc lợi	-	(1.406.678.845)
- Tăng/(giảm) khác	(58.813.199)	6.615.335
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	43.217.049.102	59.715.620.402

c) Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 11 ngày 16/7/2019 là 455.399.680.000 đồng tương đương 45.539.968 Cổ phiếu, mệnh giá là 10.000 đồng/Cổ phiếu.

Cổ phiếu	Năm 2019	Năm 2018
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	45.539.968	18.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	45.539.968	18.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	45.539.968	18.000.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	45.539.968	18.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	45.539.968	18.000.000
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 đồng/cp	10.000 đồng/cp

d) Cổ tức	Năm 2019	Năm 2018
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	39.599.890.000	18.000.000.000
Cổ tức năm 2019 công bố căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 112/2019/NQ-ĐHĐCĐ-CTF ngày 18/4/2019.		

20. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Số cuối năm	Số đầu năm
+ Vốn góp của cổ đông không kiểm soát	22.500.000.000	14.500.000.000
+ Lợi nhuận chia cho cổ đông không kiểm soát	13.149.206.598	3.336.308.361
+ Chi cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	(2.658.310.162)	(279.709.737)
+ Chuyển lợi nhuận của cổ đông không kiểm soát sang lợi nhuận công ty mẹ do chuyển nhượng cổ phần	(4.731.924.045)	-
+ Trích lập các quỹ	78.003.882	(18.232.255)
Cộng	28.336.976.273	17.538.366.369

21. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nợ khó đòi đã xử lý	5.356.110.813	5.356.110.813

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2019	Năm 2018
a) Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng hoá	6.205.568.791.207	3.256.355.977.501
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	273.624.845.774	185.906.129.310
Cộng	6.479.193.636.981	3.442.262.106.811
Các khoản giảm trừ		
Chiết khấu thương mại	-	-
Hàng bán bị trả lại	125.856.415.792	40.553.999.668
Cộng doanh thu thuần	6.353.337.221.189	3.401.708.107.143
Chi tiết doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán xe	5.957.178.455.401	3.138.208.273.544
Doanh thu bán phụ tùng	122.533.920.014	77.593.704.289
Doanh thu cung cấp dịch vụ	257.010.856.364	181.495.314.771
Doanh thu khác	16.613.989.410	4.410.814.539
Cộng	6.353.337.221.189	3.401.708.107.143
b) Doanh thu đối với các bên liên quan		
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô	400.832.024.859	197.284.597.834
2. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2019	Năm 2018
- Giá vốn xe đã bán	5.738.674.873.851	2.991.314.010.386
- Giá vốn hàng hóa đã bán	78.805.490.004	60.190.849.731
- Giá vốn dịch vụ cung cấp	173.263.559.549	107.314.156.106
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (hoàn nhập)	-	599.097.259
Cộng	5.990.743.923.404	3.159.418.113.480
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2019	Năm 2018
- Lãi tiền gửi ngân hàng	57.681.443	29.261.023
- Chiết khấu thanh toán được hưởng	696.132.076	-
Cộng	753.813.519	29.261.023
4. Chi phí tài chính	Năm 2019	Năm 2018
- Chi phí lãi vay	49.065.850.443	23.143.427.223
Cộng	49.065.850.443	23.143.427.223
5. Chi phí bán hàng	Năm 2019	Năm 2018
- Chi phí nhân viên	89.983.340.903	56.633.023.297
- Chi phí khấu hao TSCĐ	5.084.690.447	2.902.383.907
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	47.319.958.035	13.011.884.796
- Chi phí bằng tiền khác	64.265.631.578	48.709.408.686
Cộng	206.653.620.963	121.256.700.686

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

	Năm 2019	Năm 2018
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nhân viên quản lý	34.384.085.401	23.661.534.027
- Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	4.229.844.904	3.439.498.667
- Chi phí khấu hao TSCĐ	5.485.850.106	4.124.270.600
- Lợi thế thương mại phân bổ	5.891.308.836	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.391.946.035	28.521.510.432
- Chi phí bằng tiền khác	6.266.904.450	4.607.866.105
Cộng	101.649.939.732	64.354.679.831
7. Thu nhập khác	Năm 2019	Năm 2018
- Lãi từ việc thanh lý tài sản cố định	1.330.456.296	-
- Thu hỗ trợ chi phí tổ chức sự kiện, hỗ trợ bán hàng từ nhà cung cấp	28.300.629.843	18.179.525.527
- Hỗ trợ chi phí hoạt động	20.927.066.310	13.357.895.937
- Thu nhập khác	1.183.230.492	4.069.972.669
Cộng	51.741.382.941	35.607.394.133
8. Chi phí khác	Năm 2019	Năm 2018
- Lỗ từ việc thanh lý tài sản cố định	-	448.473.492
- Chi phí phạt nộp chậm thuế	944.496.563	270.888.367
- Chi phí khác	1.983.338.403	126.962.661
Cộng	2.927.834.966	846.324.520
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2019	Năm 2018
- Chi phí/(hoàn nhập) thuế TNDN hiện hành - Công ty CP City Auto	5.501.807.644	7.914.443.885
- Chi phí thuế TNDN hiện hành - Công ty CP ô tô Phú Mỹ	1.326.599.759	1.518.551.047
- Chi phí thuế TNDN hiện hành - Công ty CP ô tô Nha Trang	600.472.842	1.165.145.866
- Chi phí thuế TNDN hiện hành - Công ty CP Auto Trường Chinh	3.431.667.211	-
Cộng	10.860.547.456	10.598.140.798
10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2019	Năm 2018
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp, trong đó:	43.930.700.685	56.693.113.215
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	5.370.778.786	2.380.008.515
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	38.559.921.899	54.313.104.700
Lợi nhuận dùng trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ	38.559.921.899	54.313.104.700
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	42.273.353	18.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	912	3.017

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty không ước tính số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận kinh doanh của năm 2019 là do năm trước Công ty không trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu đại hội đồng cổ đông quyết định trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2019 thì khi lập báo cáo tài chính năm sau sẽ thực hiện hồi tố (nếu có) theo đúng với quy định tại thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 21/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn kế toán "Lãi cơ bản trên cổ phiếu".

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	Năm 2019	Năm 2018
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	38.559.921.899	54.313.104.700
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	42.273.353	18.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	22.769.984	21.600.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	593	1.372

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm 2019	Năm 2018
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	5.957.110.632.470	3.131.546.495.221
- Chi phí nhân công	129.804.176.004	86.695.309.442
- Chi phí khấu hao	11.857.515.947	7.469.632.862
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	121.116.616.777	67.810.121.676
- Chi phí khác	79.158.542.901	51.507.934.796
Cộng	6.299.047.484.099	3.345.029.493.997

VII. Những thông tin khác

1. Thông tin về các bên liên quan

a/ Các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	Cổ đông lớn
Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, và Ban Kiểm soát	Thành viên quản lý chủ chốt

b/ Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan

Trong năm tài chính này, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	Cổ đông lớn	Bán hàng hóa	400.832.024.859
		Mua hàng hóa	388.981.086.362
		Hỗ trợ chi phí tài chính	16.366.744.386
		Nhận cung cấp dịch vụ	249.623.862.362
Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát		Lương và thù lao	3.103.930.147

Số dư phải thu/ (phải trả) đối với các bên liên quan đến ngày kết thúc năm tài chính:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	Cổ đông lớn	Phải thu	158.369.659.521
		Phải thu ký quỹ	84.434.102.400
		Phải trả	(18.003.403.855)
Ông Trần Ngọc Dân	Chủ tịch HĐQT	Phải trả	(901.800.000)
Ông Trần Trung Chánh	Tổng Giám đốc	Phải thu	1.187.023.000
Ông Nguyễn Hoàng Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc	Phải trả	(2.279.859.997)

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở doanh nghiệp đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai, doanh nghiệp không có ý định cũng như không buộc phải ngừng hoạt động hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình. Không có bất kỳ yếu tố nào làm ảnh hưởng tới tính hoạt động liên tục của đơn vị cần phải giải thích.

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

4. Thông tin về Báo cáo bộ phận

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà Công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh: bộ phận kinh doanh xe, bộ phận dịch vụ sửa chữa, bộ phận kinh doanh phụ tùng, phụ kiện.

a. Báo cáo bộ phận năm 2019

Chỉ tiêu	Kinh doanh xe	Dịch vụ sửa chữa	Kinh doanh phụ tùng	Tổng cộng
1. Doanh thu thuần	5.957.178.455.401	257.010.856.364	139.147.909.424	6.353.337.221.189
2. Giá vốn hàng bán	5.738.674.873.851	173.263.559.549	78.805.490.004	5.990.743.923.404
3. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	218.503.581.550	83.747.296.815	60.342.419.420	362.593.297.785
4. Tài sản bộ phận				-
5. Tài sản không phân bổ				1.546.927.125.282
Tổng tài sản				1.546.927.125.282
6. Nợ phải trả bộ phận				-
7. Nợ phải trả không phân bổ				1.014.422.780.323
Tổng nợ phải trả				1.014.422.780.323

b. Báo cáo bộ phận năm 2018

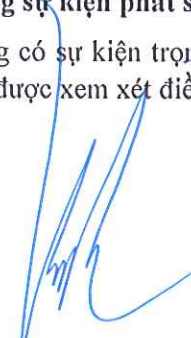
Chỉ tiêu	Kinh doanh xe	Dịch vụ sửa chữa	Kinh doanh phụ tùng	Tổng cộng
1. Doanh thu thuần	3.138.208.273.544	181.495.314.771	82.004.518.828	3.401.708.107.143
2. Giá vốn hàng bán	2.991.314.010.386	107.314.156.106	60.190.849.731	3.158.819.016.223
3. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	146.894.263.158	74.181.158.665	21.813.669.097	242.889.090.920
4. Tài sản bộ phận				-
5. Tài sản không phân bổ				965.902.814.772
Tổng tài sản				965.902.814.772
6. Nợ phải trả bộ phận				-
7. Nợ phải trả không phân bổ				698.698.188.417
Tổng nợ phải trả				698.698.188.417

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

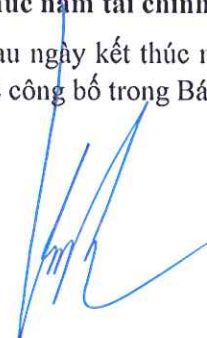
5. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.


Lê Thị Phú

Người lập biểu

Ngày 10 tháng 3 năm 2020


Lê Thị Phú

Giám đốc tài chính




Trần Trung Chánh

Tổng Giám đốc

